

Số: 100/TGD – TC

Hà nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

V/v. Giải trình số liệu thay đổi trong
báo cáo tài chính Tổng hợp
năm 2017 sau kiểm toán.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.
 - Mã chứng khoán: VNC.
 - Địa chỉ trụ sở chính: 54 Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - Điện thoại: 024. 39435638/024. 38226020.
 - Fax: 024. 39433844.
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phan Văn Hùng.
- Nội dung thông tin công bố:
 - + Giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol trước và sau kiểm toán (Phụ lục 1)
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13./03./2018 tại đường dẫn (<http://vinacontrol.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo).
- Lưu TC, VT.



Mai Tiến Dũng



PHỤ LỤC 1 (Đính kèm công văn số 100/TGD-TC ngày 23/03/2018)

Thực hiện quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol xin được giải trình thay đổi số liệu giữa báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 đã kiểm toán và báo cáo tài chính tổng hợp quý 4/2017 đã công bố như sau:

STT	Những chỉ tiêu thay đổi	Mã số	Số liệu theo BCTC quý 4/2017 đã công bố	Số liệu theo BCTC năm 2017 đã kiểm toán	Chênh lệch giữa BCTC đã kiểm toán so với BCTC đã công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
I/.	Bảng cân đối kế toán:				
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	42.516.646.308	41.562.800.853	-953.845.455
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.482.903.420	1.740.815.920	-742.087.500
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	19.880.713.292	20.936.168.633	1.055.455.341
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	2.967.108.736	5.788.030.536	2.820.921.800
5	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.025.498.166	6.104.332.466	2.078.834.300
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	2.005.315.583	1.051.470.128	-953.845.455
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.744.819.230	5.244.819.230	500.000.000
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	-1.016.055.168	39.400.173	1.055.455.341
9	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6.556.850.770	6.056.850.770	-500.000.000
II/.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Giá vốn hàng bán	11	159.838.196.621	162.425.037.522	2.586.840.901
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	78.391.965.960	75.805.125.059	-2.586.840.901
3	Chi phí bán hàng	25	15.123.119.305	16.563.568.534	1.440.449.229
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42.428.670.819	38.401.380.689	-4.027.290.130

Lý do:

I/. Bảng cân đối kế toán:

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng (mã số 131): Số chênh lệch giảm 953.845.455 đồng là do đơn vị bù trừ công nợ phải thu (TK131) và công nợ phải trả (TK338) cho khách hàng (Công ty TNHH xây dựng Duy Mạnh).
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn (mã số 132): Số chênh lệch giảm 742.087.500 đồng là do đơn vị chuyển khoản nợ ứng trước cho nhà cung cấp thành chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
3. Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136): Số chênh lệch tăng 1.055.455.341 đồng là do đơn vị kết chuyển số dư bên nợ của quỹ khen thưởng phúc lợi sang khoản phải thu khác, bởi quỹ

khen thưởng phúc lợi năm 2017 được trích lập khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 242): Số chênh lệch tăng 2.820.921.800 đồng là do:
 - ✓ Đơn vị hạch toán tăng giá trị xây dựng cơ bản dở dang theo tiến độ của Hợp đồng triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp (Tổng Công ty viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn viễn thông quân đội) với số tiền 700.671.800 đồng.
 - ✓ Đơn vị chuyển phần tiền đã trả trước cho nhà cung cấp (Công ty TNHH đầu tư phát triển Sao Đại Dương) với số tiền 2.120.250.000 đồng sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang.
5. Phải trả người bán ngắn hạn (mã số 311): Số chênh lệch tăng 2.078.834.300 đồng là do:
 - ✓ Đơn vị hạch toán tăng 700.671.800 đồng tương ứng với giá trị xây dựng cơ bản dở dang theo tiến độ của Hợp đồng triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp với Tổng Công ty viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn viễn thông quân đội.
 - ✓ Đơn vị chuyển từ phần tiền đã ứng trước cho nhà cung cấp (Công ty TNHH đầu tư phát triển Sao Đại Dương) sang phải trả cho nhà cung cấp để tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang 1.378.162.500 đồng.
6. Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319): Số chênh lệch giảm 953.845.455 đồng là do đơn vị bù trừ công nợ phải thu (TK131) và công nợ phải trả (TK338) cho khách hàng (Công ty TNHH xây dựng Duy Mạnh).
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (mã số 320): Số chênh lệch tăng 500.000.000 đồng là do đơn vị dịch chuyển từ chỉ tiêu “vay và nợ thuê tài chính dài hạn” sang chỉ tiêu “vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn.
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi (mã số 322): Số chênh lệch tăng 1.055.455.341 đồng là do đơn vị kết chuyển số dư bên nợ của quỹ khen thưởng phúc lợi sang khoản phải thu khác, bởi quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 được trích lập khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (mã số 338): Số chênh lệch giảm 500.000.000 đồng là do đơn vị chuyển bớt sang chỉ tiêu “vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn” theo đúng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về nợ ngắn và dài hạn.

II/. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11): Số chênh lệch tăng 2.586.840.901 đồng là do đơn vị điều chỉnh từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán cho đúng tính chất tài khoản.
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 20): Số chênh lệch giảm 2.586.840.901 đồng là do tăng chỉ tiêu “giá vốn hàng bán”.
3. Chi phí bán hàng (mã số 25): Số chênh lệch tăng 1.440.449.229 đồng là do đơn vị điều chỉnh từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí bán hàng cho đúng tính chất tài khoản.
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 26): Số chênh lệch giảm 4.027.290.130 đồng là do đơn vị điều chỉnh từ Chi phí quản lý doanh nghiệp sang giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng cho đúng tính chất tài khoản.